CTCP Mía đường Lam Sơn (HSX: LSS)

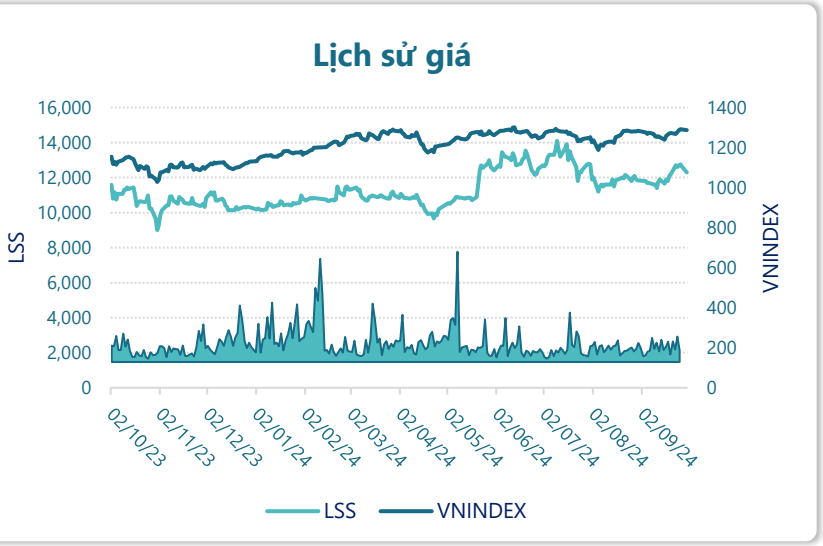

Thông tin giao dịch	30/09/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**12,300**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	14,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	9,005
SL cổ phiếu LH	80,135,051
KLGD BQ 20 phiên (CP)	457,975
% sở hữu nước ngoài	0.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	986
P/E	7.9
EPS	1,558

DT thuần

Q3/24

482

tỷ VNĐ

QoQ: ▼412| -46.1%

YoY: ▲ 11.0| 2.3%

LN sau thuế

Q3/24

22.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▼8.40| -26.9%

YoY: ▲ 5.90| 34.5%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/24

7.6%

+/- YoY: ▲ 0.7%

DT thuần

9T 2024

2,102

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 496| 30.9%

LN sau thuế

9T 2024

89.6

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 50.0| 126%

ROE

Q3/24

7.3%

+/- YoY: ▲ 4.9%

Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh

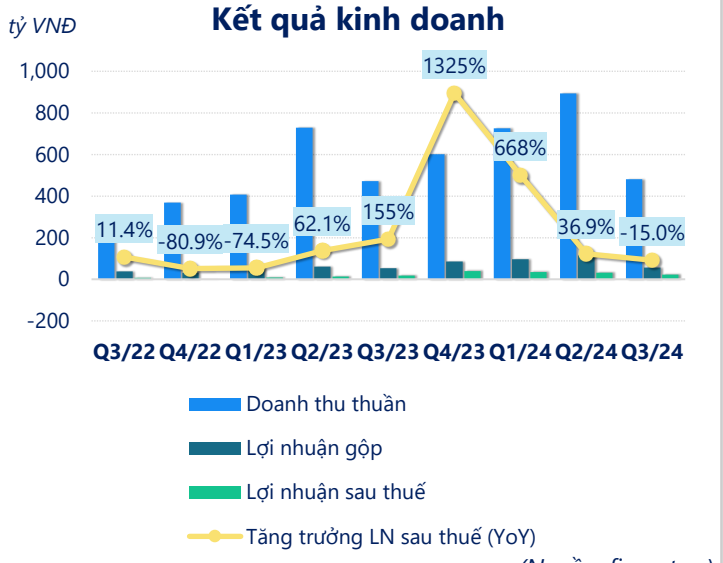

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

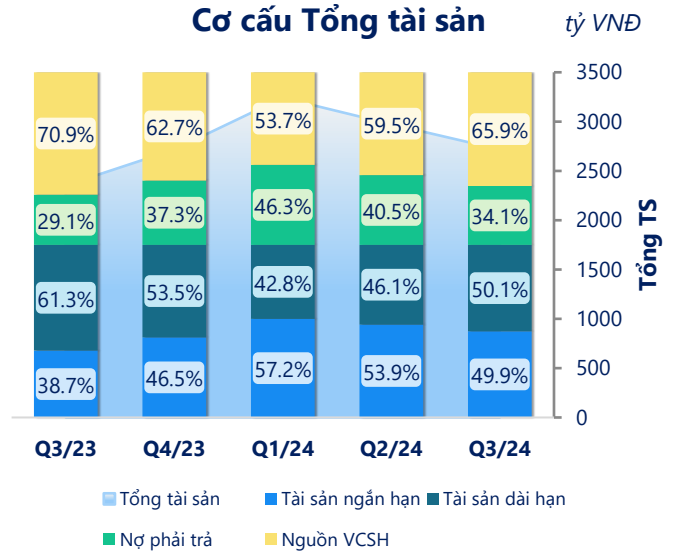

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

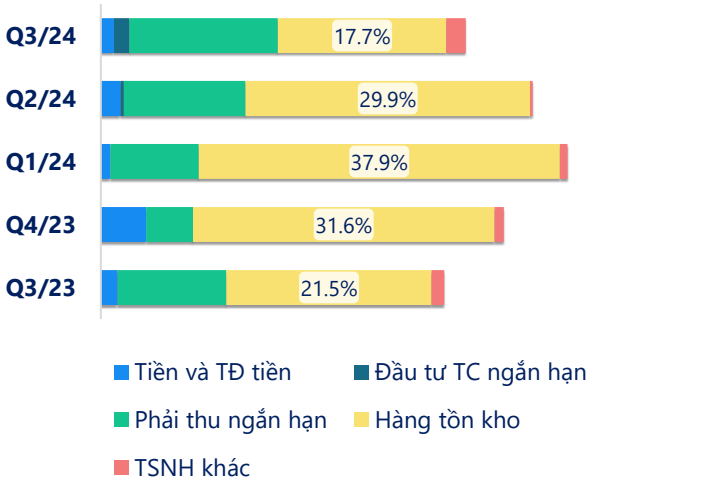

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

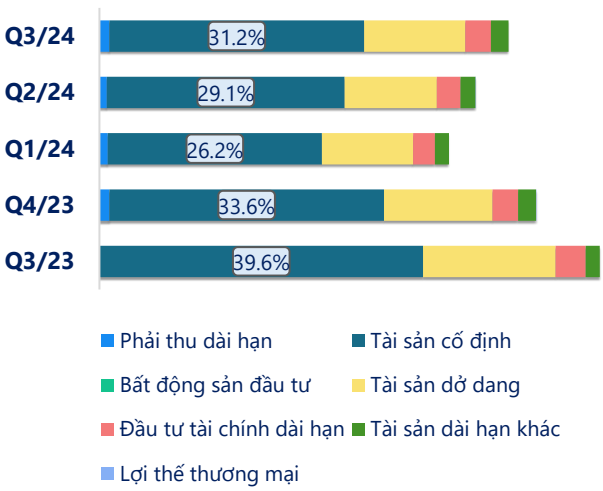

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

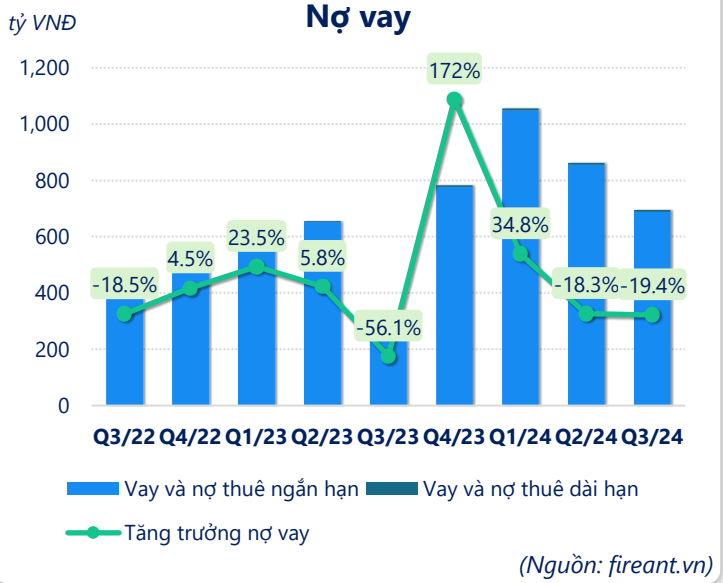

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

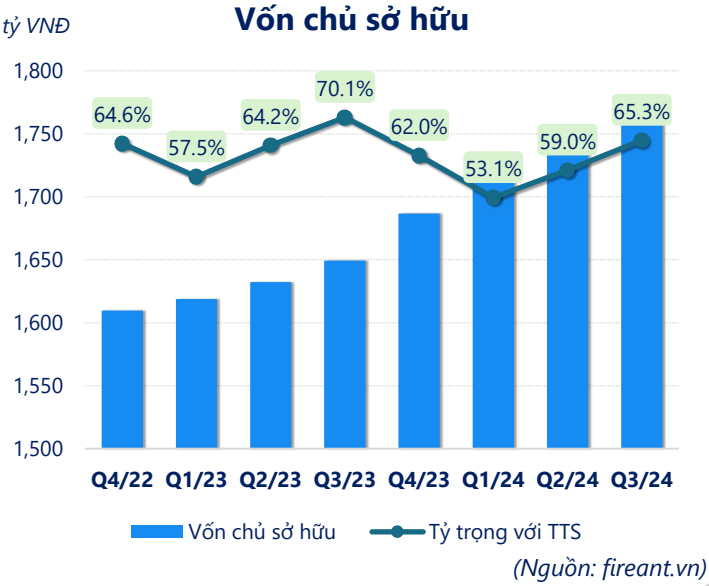

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

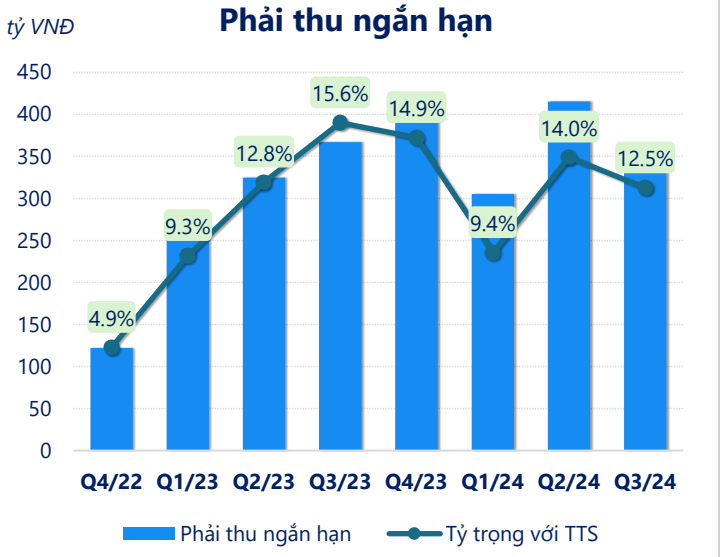

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

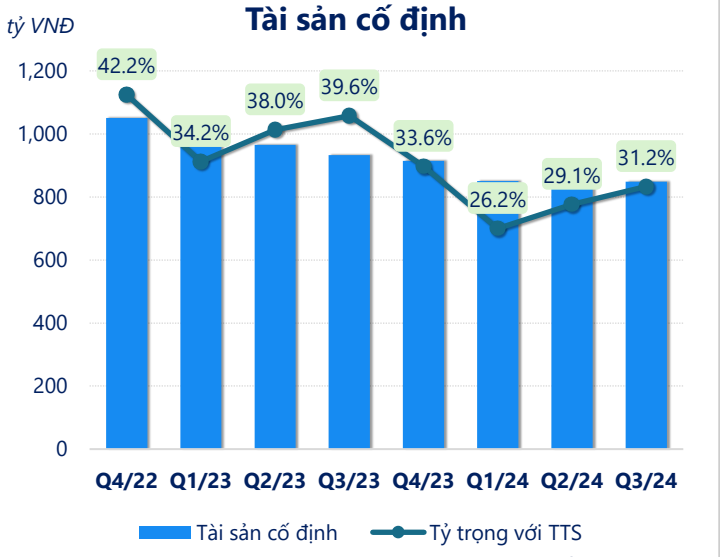

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

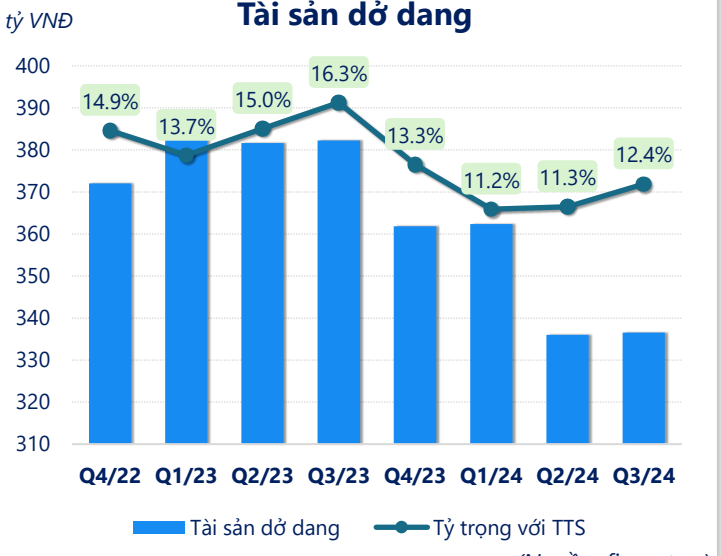

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

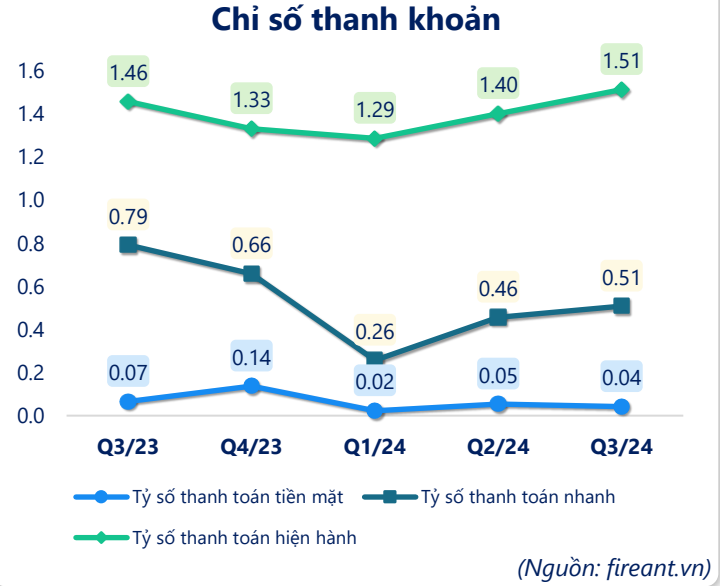

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

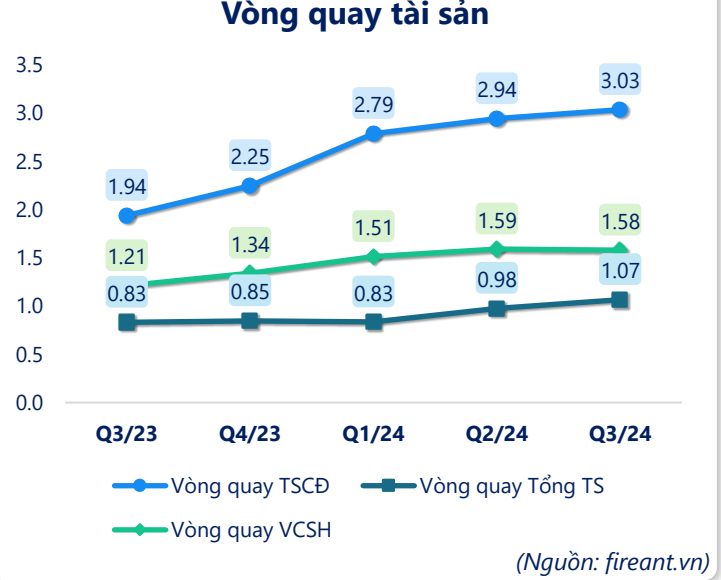

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Tổng tài sản	**2,352**	**2,718**	**3,241**	**2,974**	**2,718**
Tài sản ngắn hạn	**910**	**1,263**	**1,853**	**1,602**	**1,356**
Tiền và tương đương tiền	41.0	130	32.4	61.2	37.1
Đầu tư tài chính ngắn hạn	38.5	29.5	17.0	39.7	47.1
Phải thu ngắn hạn	367	405	305	415	340
Hàng tồn kho	416	639	1,483	1,080	901
Tài sản ngắn hạn khác	48.5	60.2	15.5	6.04	31.4
Tài sản dài hạn	**1,442**	**1,455**	**1,388**	**1,371**	**1,362**
Phải thu dài hạn	0	32.9	32.9	27.2	32.9
Tài sản cố định	933	914	850	866	849
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	382	362	362	336	337
Đầu tư tài chính dài hạn	85.8	85.8	85.8	85.8	85.8
Tài sản dài hạn khác	41.1	59.3	56.9	55.6	57.7
Lợi thế thương mại	0	0.85	0	0.78	0
Nợ phải trả	**683**	**1,013**	**1,501**	**1,204**	**928**
Nợ ngắn hạn	**625**	**949**	**1,440**	**1,144**	**897**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	285	776	1,049	856	688
Phải trả người bán ngắn hạn	51.2	63.4	156	56.0	43.8
Nợ dài hạn	58.3	63.9	60.5	59.7	31.4
Vay và nợ thuê dài hạn	2.74	6.34	6.34	6.34	6.34
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,669**	**1,705**	**1,740**	**1,770**	**1,790**
Vốn chủ sở hữu	**1,649**	**1,687**	**1,722**	**1,753**	**1,774**
Vốn điều lệ	745	745	745	801	801
Kinh phí và quỹ khác	19.5	18.6	18.3	16.9	16.0

(Nguồn: fireant.vn)